

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 11 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 625/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn 8, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Xóm 1 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 07 tháng 01 năm 2010. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh T tại thôn 8, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng ở nhà của bố mẹ đẻ anh T. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không thống nhất về các công việc trong gia đình, anh T không có việc làm ổn định dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn và vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã.

xúc phạm nhau. Gia đình, bạn bè đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện. Chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn T. Chị D và anh T có hai con chung tên Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2010 và Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Khi ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị và anh T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Hoàng Văn T là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị Nguyễn Thị D xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn T; đề nghị giao các con Hoàng Thị Thùy L và Hoàng Thị Ngọc A cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Hoàng Văn T

Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị D và anh T là hợp pháp. Tài liệu xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, khó khăn về kinh tế, vợ chồng thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi

mắng xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị D xin ly hôn, anh T vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa thể hiện anh T không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, thời gian sống ly thân đã quá dài, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa Chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị D xin ly hôn anh T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị D và anh T có 02 con chung tên Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2010 và Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Khi ly hôn, Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, Chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng các con; việc nuôi dưỡng đã ổn định, con chung được chăm sóc, phát triển bình thường về tâm sinh lý và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị D là công nhân, có thu nhập ổn định đảm bảo được việc nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị D, của anh T, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi các con Hoàng Thị Thùy L và Hoàng Thị Ngọc A là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của đương sự là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị D khai vợ chồng không có tài sản chung; mặt khác không có quan điểm của anh Hoàng Văn T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2010 và Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0002253 ngày 28/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Cao Nhân, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân

